

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21/5/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình  
có yếu tố nước ngoài”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Nam;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Thanh; bà Nguyễn Thị Tâm;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hồng Phong, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:** Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Dương Thị Ch**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

**- Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn N**, sinh năm 1979;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện nay anh N đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Ch trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ch và anh Hoàng Văn N, kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị trước đây vẫn hạnh phúc bình thường, năm 2018 vợ chồng chị cùng bàn bạc nhất trí cho anh Hoàng Văn N đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, từ khi anh N đi lao động xuất khẩu đến nay đã về nước 01 lần vào ngày 22 tháng 01 năm 2020. Hiện

nay anh N đang lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể của anh N tại Đài Loan thường xuyên thay đổi, do vậy chị Ch không biết địa chỉ của anh N ở nước ngoài.

Từ năm 2022 vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh N không chung thủy vợ chồng, do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày nên không còn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục chung sống vợ chồng cũng không có hạnh phúc. Vì vậy chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn N.

**Về con chung:** Vợ chồng chị có 03 con chung, cháu Hoàng Duy Kh, sinh ngày 08/3/2005, cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 26/6/2006, và cháu Hoàng Tiến B, sinh ngày 22/11/2015. Đối với cháu Hoàng Duy Kh, sinh ngày 08/3/2005, hiện nay cháu đã trưởng thành cháu sống với ai là quyền quyết định của cháu, chị Ch không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Hoàng Thái S sinh ngày 26/6/2006 và cháu Hoàng Tiến B, sinh ngày 22/11/2015, hiện nay chưa đủ 18 tuổi nên khi giải quyết ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu S và cháu B, chị Ch không yêu cầu anh Hoàng Văn N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về vay nợ chung:** Vợ chồng chị không vay nợ ai, nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn N hiện đang ở nước ngoài: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật và xác minh thông tin của anh Hoàng Văn N qua mẹ đẻ của anh N là bà Hoàng Thị U, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bà Hoàng Thị U có ý kiến như sau: Bà Hoàng Thị U là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn N, anh N đăng ký hộ khẩu tại Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nhưng hiện nay anh N đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, Trung Quốc, địa chỉ cụ thể của anh N, bà Hoàng Thị U không biết, anh N thỉnh thoảng vẫn gọi điện về hỏi thăm sức khoẻ bà. Về quan hệ vợ chồng, anh Hoàng Văn N và chị Dương Thị Ch, kết hôn năm 2004, sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị Ch sinh sống tại Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Về mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc chị Ch khởi kiện xin ly hôn với anh N do anh chị tự giải quyết, bà không biết việc mâu thuẫn của vợ chồng anh N, chị Ch. Về con chung anh N và chị Ch có 03 con chung là cháu Hoàng Duy Kh, sinh ngày 08/3/2005, cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 26/6/2006, và cháu Hoàng Tiến B, sinh ngày 22/11/2015, đang sinh sống cùng chị Ch. Về tài sản chung anh N và chị Ch có tài sản nhà ở và đất rừng. Về vay nợ chung bà Hoàng Thị U không nắm được.

Do anh Hoàng Văn N đang ở nước ngoài, nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ch. Xử cho chị Dương Thị Ch được ly hôn với anh Hoàng Văn N. Về con chung cháu Hoàng Duy Kh, sinh ngày 08/3/2005 đã trưởng thành không cần giao chăm sóc nuôi con. Giao cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 26/6/2006 và cháu Hoàng Tiến B, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Ch chăm sóc, giáo dục.

Về án phí: Chị Dương Thị Ch phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị Ch và anh Hoàng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hôn nhân của anh N và chị Ch là hôn nhân hợp pháp. Ngày 11/3/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn số 203/PA08-Đ1 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân nội dung “Họ và tên Hoàng Văn N, sinh ngày 10/02/1979, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Giới tính. Nam; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số C5421875 cấp ngày 11/6/2018. Ngày 03/02/2020 Hoàng Văn N, xuất cảnh tại Sân bay quốc tế Nội Bài”. Như vậy qua thu thập thông tin, tài liệu xác định anh Hoàng Văn N hiện nay đang sinh sống ở nước ngoài.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Hoàng Văn N hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể, mẹ đẻ anh N xác nhận anh N vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ tuy nhiên bà U không biết địa chỉ cụ thể của anh N. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Ch:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Dương Thị Ch phù hợp với ý kiến trình bày của mẹ đẻ anh N và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Ch và anh N có mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hiện chị Ch và anh N ở hai nước khác nhau, không còn quan tâm tới nhau, đã sống ly thân nhiều năm. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh N đã thực sự không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị Ch.

[3.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Ch và anh Hoàng Văn N có 03 con chung là cháu Hoàng Duy Kh, sinh ngày 08/3/2005, cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 26/6/2006, và cháu Hoàng Tiến B, sinh ngày 22/11/2015. Hội đồng xét xử thấy cháu Hoàng Duy Kh đã đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải

quyết. Đối với cháu Hoàng Thái S và cháu Hoàng Tiến B hiện nay đang sống chung cùng chị Ch nên để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Sơn và cháu B và nguyện vọng về việc nuôi con của chị Ch cần giao cháu S và cháu B cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với pháp luật cũng như thực tế.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Ch không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Dương Thị Ch là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Dương Thị Ch và anh Hoàng Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị Ch.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị Ch được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thái S, sinh ngày 26/6/2006 và cháu Hoàng Tiến B, sinh ngày 22/11/2015 cho chị Dương Thị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Ch phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000043 ngày 15 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Dương Thị Ch đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Ch có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang (khi có HLPL);
- UBND xã H, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Đức Nam**